

Bản án số: 4069/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Phụng
- Ông Huỳnh Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát Viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 751/2022/TLST-DS ngày 11/10/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6077/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng A (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu B, số C, đường d, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T (Giấy ủy quyền 2673A/2023/UQ- TGD ngày 21/8/2023)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số G, đường H, phường I, thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số L, Trại giam M, Đồng Nai
Địa chỉ: Xã O, huyện Q, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà, nguyên đơn Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) có người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 03/3/2009, ông Nguyễn Hoàng N có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn

cứ vào thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30,000,000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay trong hạn là 1,975%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14,136,000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5,525,500 đồng.

Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/02/2011, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/9/2023, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền 82,362,558 đồng, trong đó: Nợ gốc 14,836,099 đồng, nợ lãi quá hạn 67,526,459 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2023 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng.

* Tại bản tự khai, ông Nguyễn Hoàng N trình bày: Vào cuối năm 2009, ông bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời đã chuyển nơi đăng ký thường trú từ địa chỉ: X, đường P, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh sang địa chỉ: 632/19C Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, trên thực tế ông không nhận được thông báo nhắc nợ của ngân hàng qua đường bưu điện. Do tâm lý không ổn định vào thời điểm đó nên ông không nhớ còn nợ Ngân hàng số tiền 9,000,000 đồng.

Tiền vốn và lãi đã tăng từ 9,075,738 đồng (ngày 15/12/2009) lên 64,532,291 đồng (ngày 30/5/2020) đã vượt quá khả năng thanh toán của ông. Lý do: Ông đang chấp hành án, không tạo ra thu nhập nên không thể thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, ông đề nghị cơ quan pháp luật và Ngân hàng xem xét miễn, giảm tiền nợ cho ông để tạo điều kiện cho ông và gia đình có khả năng hoàn thành xong trách nhiệm với Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm thời hạn xét xử, Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/9/2023 là số tiền 82,362,558 đồng, trong đó: Nợ gốc 14,836,099 đồng, nợ lãi quá hạn 67,526,459 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông N có nơi cư trú trước khi bị đi chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc là địa chỉ: G, đường H, phường I, thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Minh T, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng và ông Nguyễn Hoàng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng nộp và lời trình bày của bị đơn có cơ sở để khẳng định giữa nguyên đơn và ông N đã phát sinh quan hệ vay tài sản.

Thực hiện hợp đồng, do ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/02/2011, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/9/2023, ông N còn nợ số tiền 82,362,558 đồng, trong đó: Nợ gốc 14,836,099 đồng, nợ lãi quá hạn 67,526,459 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, số tiền lãi quá hạn được nguyên đơn tính trên số tiền nợ gốc 14,836,099 đồng. Mức lãi suất quá hạn mà nguyên đơn áp dụng là 2,963%/tháng ($1,975\% \times 150\%$), được tính từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn đều được tính dựa trên nội dung các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Việc ông N xin miễn, giảm tiền nợ nhưng không được Ngân hàng chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng.

Ông N phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà ông N đã ký kết với Ngân hàng.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 82,362,558 đồng, trong đó: Nợ gốc 14,836,099 đồng, nợ lãi quá hạn 67,526,459 đồng.

Ông Nguyễn Hoàng N phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng N và Ngân hàng A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4,118,128 đồng.

Ngân hàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1,614,000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0035931 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A, ông Nguyễn Hoàng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND tp. Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

